

Số: 27/2019/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 18 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế thu thập, quản lý khai thác, chia sẻ và sử dụng
thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 364/TTr-STNMT ngày 15 tháng 11 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2019 và thay thế Quyết định số 1562/2011/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CVNCTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn



QUY CHẾ

**Ban hành Quy chế thu thập, quản lý khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin,
dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND Ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám (sau đây gọi là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường); cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Các nội dung không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính Phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân có hoạt động thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải là các thông tin, dữ liệu được thu nhận và lưu trữ theo đúng quy định. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Giang bao gồm các loại thông tin, dữ liệu theo quy định tại Phụ lục I, Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (trừ Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực biển và hải đảo)

Điều 4. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy tại Điều 5, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì, có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thu thập, cập nhật, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường của địa phương, có nhiệm vụ:

a) Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh theo quy định; tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;

b) Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ Thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, cổng thông tin tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trong tỉnh, các tỉnh, thành phố và các bộ, ngành;

c) Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

d) Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Trung tâm Công nghệ Thông tin Tài nguyên và Môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường;

e) Cung cấp dữ liệu thông tin về tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu của Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương theo quy định;

f) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát, hỗ trợ áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin, việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh.

Chi đạo phòng Tài nguyên và Môi trường thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện, thành phố; cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

4. Các sở, ban, ngành

Hàng năm, theo chức năng, nhiệm vụ của mình xác định, lập danh mục dữ liệu tài nguyên và môi trường cần thu thập, cập nhật, đề xuất kế hoạch thu thập gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, lập dự thảo kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường trong lĩnh vực phụ trách.

5. Tổ chức, cá nhân

Tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường có sử dụng nguồn vốn ngân sách sự nghiệp môi trường, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học và công nghệ (hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước) và các tổ chức, doanh nghiệp khác (thuộc diện phải nộp dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định của Nhà nước) trên địa bàn tỉnh Hà Giang có trách nhiệm giao nộp dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Điều 7 Quy chế này.

Điều 6. Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ công tác lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 7. Giao nộp dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ tại Khoản 5, Điều 5 của Quy chế này có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường 01 bộ dữ liệu dạng giấy (bản chính, bản gốc) và một bộ dữ liệu dạng số lưu trên đĩa CD, DVD.

2. Các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang thuộc diện phải lắp đặt thiết bị quan trắc môi trường tự động, liên tục theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc truyền kết quả quan trắc môi trường tự động, liên tục trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường. Đồng thời có trách nhiệm tự bảo quản, bảo dưỡng, duy trì và vận hành thiết bị để đảm bảo tính chính xác của dữ liệu môi trường được quan trắc và truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nhận phải có giấy xác nhận giao nộp thông tin, dữ liệu và lưu vào hồ sơ theo quy định. Giấy xác nhận giao nộp dữ liệu là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.



Điều 8. Kiểm tra, đánh giá, xử lý, cập nhật dữ liệu

1. Dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá và xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tuân thủ theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện.

Điều 9. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường:

1. Lưu trữ dữ liệu

a) Dữ liệu thu thập phải được kịp thời phân loại, đánh giá, xử lý về mặt vật lý, hoá học và chuẩn hoá, số hoá để lưu trữ, bảo quản trong các kho lưu trữ;

b) Việc lưu trữ, bảo quản dữ liệu tài nguyên và môi trường, tiêu hủy tài liệu hết giá trị phải tuân theo các quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành;

c) Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lưu trữ dữ liệu tài nguyên và môi trường của Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Giang.

2. Bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu số

a) Cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng;

b) Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng;

c) Đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin thuộc cơ quan chủ quản làm nhiệm vụ bảo đảm an toàn cơ sở dữ liệu, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin.

Điều 10. Kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Phí khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 11. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Giang, Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, các ấn phẩm chuyên môn. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước hiện hành; quy định về danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và các quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

Điều 12. Khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 13. Thẩm quyền cung cấp, phạm vi, mức độ, đối tượng được phép khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Thẩm quyền, phạm vi, mức độ cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng được phép khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường: Các tổ chức, cá nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến thông tin, dữ liệu về tài nguyên, môi trường.

Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thực hiện theo quy định tại Điều 20, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 15. Phối hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các Sở, Ban, ngành trên địa bàn tỉnh; giữa các UBND huyện, thành phố; giữa các cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường và giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trên nguyên tắc:

a) Kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật;

b) Bảo đảm việc tiếp cận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ kịp thời cho việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

c) Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu được thông suốt, kịp thời, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.

2. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử do UBND tỉnh quản lý với các bộ, ngành và địa phương khác theo quy định.

Điều 16. Quyền sở hữu trí tuệ, bảo hộ sở hữu trí tuệ với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thực hiện theo Điều 29, Điều 30 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, xây dựng trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành

Các dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, xây dựng bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau:

1. Đối với những dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ dữ liệu đó cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 06 tháng, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

Dữ liệu giao nộp phải có nguồn gốc và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận tính hợp pháp và giá trị thông tin.

2. Đối với nhiệm vụ, dự án, đề án, đề tài, chương trình đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì tổ chức, cá nhân phải giao nộp cho cơ quan quản lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

Điều 18. Điều khoản thi hành

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn